

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành
Công trình: Đê sông Hà Thanh, Tuy Phước
(đoạn dốc sông xóm 3-Phước Thành)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 149/TTr-STC ngày 10/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành với các nội dung như sau:

- Tên công trình: Đê sông Hà Thanh, Tuy Phước (đoạn dốc sông xóm 3-Phước Thành);
- Chủ đầu tư: UBND huyện Tuy Phước;
- Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất huyện Tuy Phước;
- Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước;
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.
- Cơ quan phê duyệt BCKTKT: UBND tỉnh Bình Định.
- Thời gian khởi công – hoàn thành: 26/9/2017 -22/11/2021.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Theo QĐ số 9666/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Tuy Phước	Giá trị quyết toán
	1	2	3
	Tổng số	33.774.302.000	31.459.485.000
1	Xây lắp	27.716.383.000	27.386.271.000
2	Bồi thường GPMB	1.019.485.000	1.014.768.000
3	Chi phí quản lý dự án	660.253.000	625.348.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.197.003.000	2.003.547.000
	- Chi khảo sát địa hình giai đoạn thiết kế cơ sở + Chi lập báo cáo nghiên cứu khả thi	635.664.000	630.605.000
	- Chi lập thiết kế bản vẽ thi công	596.194.000	590.200.000
	- Chi lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây lắp	77.826.000	31.900.000
	- Chi phí giám sát thi công xây dựng	632.719.000	576.242.000
	- Chi lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	254.600.000	174.600.000
5	Chi khác	1.623.172.000	429.551.000
	- Chi Bảo hiểm xây dựng công trình	280.959.000	277.900.000
	- Chi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	6.516.000	4.327.000
	- Chi thẩm định TK cơ sở	6.516.000	43.564.000
	- Chi thẩm tra, phê duyệt quyết toán	183.616.000	103.760.000
	Chi thẩm tra, phê duyệt quyết toán BTGPMB:		1.700.000
	Chi thẩm tra, phê duyệt quyết toán phần còn lại:		102.060.000
	- Chi tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	14.049.000	0
	- Chi phí hạng mục chung:	1.131.516.000	0
	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (2%)	565.758.000	0
	Chi một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế (2,%)	565.758.000	0
6	Dự phòng chi	558.006.000	0

2. Nguồn vốn đầu tư:*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung	Tổng dự toán của Dự án được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
	Tổng số	33.774.302	31.459.485	31.363.357	206.451	-
1	Vốn đầu tư công	33.774.302	31.459.485	31.363.357	206.451	(110.323)
1.1	Vốn Ngân sách nhà nước	33.774.302	31.459.485	31.363.357	206.451	(110.323)
	- Vốn Ngân sách tỉnh			18.646.641		
	Vốn NS huyện			12.716.716		
2	Vốn đã thu hồi					110.323

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:*Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	31.459.485.000	31.459.485.000		
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	31.459.485.000	31.459.485.000		

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
	1	2	3
	Tổng số	31.459.485.000	
1	Vốn đã thanh toán:	31.363.357.000	
	- Vốn Ngân sách tỉnh	18.646.641.000	
	- Vốn Ngân sách huyện	12.716.716.000	
2	Vốn còn phải thanh toán tiếp:	206.451.000	
3	Vốn phải thu hồi	-110.323.000	
4	Vốn đã thu hồi:	110.323.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (02/11/2023) là:

* Tổng số phải thanh toán tiếp: 206.451.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB: 102.691.000 đồng

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 103.760.000 đồng

+ Phòng TCKH huyện Tuy Phước 1.700.000 đồng

+ Sở Tài chính Bình Định 102.060.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
UBND huyện Tuy Phước	31.459.485.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chịu trách nhiệm về những nội dung, công việc của từng đơn vị, cơ quan đã thực hiện xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K10

[Signature]

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang